TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠNH TRỊ** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Bản án số: 29/2023/HNGĐ-ST. Ngày 30-6-2023. V/v tranh chấp ly hôn.	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠNH TRỊ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Bích Phượng.

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Ngô Văn Tân.

- Bà Lâm Thị Loan Em.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Nguyễn Huỳnh Ni – Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạnh Trị, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2023/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 3 năm 2023, về việc "tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-NHGĐ, ngày 26 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên *đơn*: Ông Lê Văn T, sinh ngày 25/12/1975. (có mặt)

Đăng ký cư trú: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Hiện tạm trú: Ấp T, xã C, huyện L, tỉnh Bạc Liêu.

- *Bị đơn:* Bà Võ Thị Trúc L, sinh ngày 01/01/1978. (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 07/11/2022 nguyên đơn ông Lê Văn T trình bày:

Ông Lê Văn T và bà Võ Thị Trúc L chung sống với nhau có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 07/10/2015. Sau khi cưới nhau vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong

cuộc sống và không còn sống chung cách nay đã 06 đến 07 năm. Ông T yêu cầu được ly hôn với bà Võ Thị Trúc L.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, vợ chồng ông T và bà L có 02 người con chung tên Lê Hạnh V, sinh ngày 15/10/2002 và Lê Quốc K, sinh ngày 14/10/2004, hiện các con đã trưởng thành, có khả năng tự lao động sinh sống.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn bà Võ Thị Trúc L không có văn bản cung cấp lời khai.

Đại diện Kiểm sát viên tham gia phiên tòa trình bày: Từ khi thụ lý đến kết thúc phần tranh luận tại phiên tòa, Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa, các thành viên Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định của pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án, đề nghị chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn, về con chung có hai người đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình tiến hành tố tụng, Toà án đã tống đạt thông báo thụ lý, thông báo mở phiên họp công khai tài liệu, chứng cứ và hoà giải, triệu tập tham gia phiên toà đối với bị đơn bà Võ Thị Trúc L lần thứ hai nhưng bà L đều vắng mặt, căn cứ vào Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông Lê Văn T và bà Võ Thị Trúc L tự nguyện kết hôn, được Ủy ban nhân dân có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp theo quy định của pháp luật. Ông T yêu cầu ly hôn, bà L không có văn bản trình bày ý kiến. Hội đồng xét xử thấy rằng, qua lời trình bày của nguyên đơn, qua kết quả xác minh cho thấy trong quá trình chung sống ông T và bà L thực tế có phát sinh mâu thuẫn dẫn đến không còn chung sống với nhau, xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng xảy ra cũng đã lâu và đến nay vẫn không giải quyết được, nếu tiếp tục kéo dài cuộc sống hôn nhân cũng không có hạnh phúc, Hội đồng xét xử cần chấp nhận cho ông T được ly hôn.

[3] Về con chung: Nguyên đơn ông Lê Văn T và bị đơn bà Võ Thị Trúc L có hai người con, các con đã đủ 18 tuổi, có khả năng tự lao động sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về nghĩa vụ nuôi con.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử cũng không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Ông Lê Văn T là người khởi kiện nên phải chịu án phí hôn nhân là 300.000 đồng, theo quy định tại Điểm a Khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án".

[6] Tại phiên toà, Kiểm sát viên đề nghị chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/PL-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Lê Văn T được ly hôn với bà Võ Thị Trúc L.

- Về con chung: Con đã đủ 18 tuổi, có khả năng lao động sinh sống nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết về nghĩa vụ nuôi con.

- Tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết trong vụ việc ly hôn.

Về án phí: Nguyên đơn ông Lê Văn T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn là 300.000 đồng, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0008064 ngày 15/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Trị, ông T đã nộp xong án phí.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án tại Ủy Ban nhân dân nơi đương sự cư trú) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND huyện Thạnh Trị;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Trị;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Trịnh Thị Bích Phượng